TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-01-2023
V/v Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Quốc Hiếu**.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Hồng.
2. Bà Trần Thị Thu Hà.
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Trúc - Thư ký Tòa án.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.***

Ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 564/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022, về tranh chấp: *"Hôn nhân và gia đình"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 304/2022/QĐXX-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Trịnh Thị N – sinh năm: 1983 (xin vắng mặt).
2. *Bị đơn:* anh Lê Văn N – sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trịnh Thị N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn N chung sống với nhau vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện, do mai mối, được cha mẹ hai bên thừa nhận, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 22/5/2006.

Sau ngày cưới, chị và anh N sống riêng tư tại thành phố Vĩnh Long để đi làm thuê. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau. Chị và anh N đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị N yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Minh D, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2005 và Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2009. Khi ly hôn, tùy nguyện vọng của các con muốn sống với ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Lê Văn N:*

Anh Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Lê Văn N. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Xét thấy, anh Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do. Ngày 07 tháng 11 năm 2022, chị N có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N, anh N theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh N chung sống với nhau vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện, do mai mối, được cha mẹ hai bên thừa nhận, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 22/5/2006 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, chị N trình bày vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm nhau. Chị và anh N đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ và thực hiện các công việc của gia đình. Thực tế, giữa chị N và anh N không còn quan tâm chăm sóc nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Qua đó cho thấy, hôn nhân giữa chị N và anh N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Minh D, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2005 và Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2009. Khi ly hôn, tùy nguyện vọng của các con muốn sống với ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại bản khai ý kiến cháu Minh D và cháu Huỳnh N có nguyện vọng sống với chị N. Do đó, khi ly hôn giao cháu Minh D và cháu Huỳnh N cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu và quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị N không yêu cầu dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải nộp án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, 51, 53; 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị N.

Về hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị N được ly hôn với anh Lê Văn N.

Về con chung: Giao cháu Lê Minh D, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2005 và Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2009 cho chị Trịnh Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị Trịnh Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trịnh Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N⁰0008895 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Trịnh Thị N đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Triệu Quốc Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Quốc Hiếu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Triệu Quốc Hiếu